

2. Nguyễn Vinh Q (tên gọi khác: không có), sinh ngày 19 tháng 04 năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: *****; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 332/46/11 P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 332/46/11 P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi cư trú: 6 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 6 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P1 (đã chết) và bà:

Trần Thị Kim P2; Vợ: Hồng Thị Bích N; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/5/2018, bị Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 71/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 05/07/2018, đã đóng án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2025 đến ngày 23/12/2025 tại Phân trại tạm giam Phú Thọ H, Trại tạm giam C - Công an Thành phố H; thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 23/12/2025 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Công ty cổ phần T10. Địa chỉ: trụ sở chính: SN31 – C1 Khu Đ, Bệnh viện A1, phường T, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh K: I T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1990 là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

2. Công ty TNHH M1; Địa chỉ: 1 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Hồng Q1 (vắng mặt).

3. Cửa hàng A2; Địa chỉ: B Bờ Bao T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Công ty TNHH MTV Đ1; Địa chỉ trụ sở: I P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Anh T (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, T, Chợ G, Tiền Giang.

3. Bà Trương Hồ Thanh T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: A khu phố H, Phường H, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Hữu N1 - Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ liên lạc: I P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2025, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Thị Ngọc M kết bạn và liên lạc với bà Phạm Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Á và Trương Hồ Thanh T2, biết những người này đang có nhu cầu kiếm tiền nên M đã nói bà X, bà Á và bà T2 đi thuê xe máy tại các cửa hàng xe máy sau đó đưa cho M để M cho người nước ngoài thuê lại rồi sẽ chia tiền hoa hồng lại cho ba người này với mức khoảng 200.000 đồng/xe (sau khi đã trừ đi tiền thuê xe theo ngày tại cửa hàng do M chi trả). Trên thực tế, sau khi nhận được xe, M không cho người khác thuê lại mà lấy xe máy mang đi cầm cố hoặc bán cho Nguyễn Vinh Q. Để tránh bị phát hiện, M sử dụng tên giả là Nguyễn Bình A và tài khoản Zalo “Jonnn” để làm việc, giao dịch với bà X, bà Á và bà T2.

Trong khoảng thời gian từ ngày 24/02/2025 đến ngày 03/3/2025, M nói bà X, bà Á và bà T2 đi thuê xe máy tại các cửa hàng T10 tại địa chỉ I T, Phường D, quận T, cửa hàng V, địa chỉ phường T, Quận A, cửa hàng X1, địa chỉ I T, phường P và cửa hàng A3, địa chỉ B Bờ Bao T, phường T (là các cửa hàng thuộc Công ty T10, Công ty TNHH M1, Công ty TNHH MTV Đ1), giao cho M, sau đó M đã tự cầm cố hoặc giao bán cho Nguyễn Vinh Q như sau:

+ Ngày 24/02/2025, M nói bà Á đến cửa hàng T10 làm hợp đồng thuê, thỏa thuận với cửa hàng thuê 01 xe máy hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 49F1-480.45. Nhân viên cửa hàng T10 giao xe cho bà Á tại khu vực đường B, Phường A, T. Sau khi nhận được xe từ bà Á, M nhờ người tên T3 (không xác định lai lịch) đi cầm cố tại huyện H với giá 9.000.000 đồng. Do quá thời hạn nhưng không thấy khách trả xe, ngày 03/3/2025, ông Nguyễn Văn Đ (quản lý cửa hàng HiMoto) định vị được chiếc xe máy Honda Vision, biển số 49F1 -48045 đang ở tại đại lý giao nhận hàng hóa S1, địa chỉ số A ấp H, xã B, H (do người tên S chưa xác định lai lịch yêu cầu gửi đi Tây Ninh) nên ông Đ đến thu hồi lại chiếc xe trên.

+ Ngày 25/02/2025, M và bà Á cùng đến cửa hàng HiMoto Việt Nam, tại đây, bà Á đứng tên thuê 02 xe máy Honda Vision màu trắng biển số 94K2-342.25 và Honda Vision màu đỏ biển số 70L2-024.18, sau đó giao lại cho M. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, M đi xe máy Honda Vision màu trắng biển số 94K2-342.25 đến khu vực xã V, huyện B để cầm cố xe cho Trương Minh D với giá 9.000.000 đồng. Đến ngày 03/3/2025, Nguyễn Văn Đ định vị được chiếc xe Honda Vision màu trắng biển số 94K2-342.25 và đã đến nhà ông D để thu hồi lại chiếc xe này. Đối với chiếc xe Honda Vision màu đỏ biển số 70L2-024.18, M giao cho người tên T3 (không xác định lai lịch) để mang đi cầm cố tại huyện H với giá 9.000.000 đồng. Qua truy xét, xác định, chiếc xe sau đó được một người tên S (không xác định lai lịch) mua lại và giao bán qua mạng cho ông Nguyễn Hữu N1 vào ngày 26/02/2025 với giá 16.000.000 đồng. Đến ngày 28/02/2025, ông N1 bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Văn H với giá 17.000.000 đồng, ông H tiếp tục bán chiếc xe cho người Campuchia tên “T4” với giá 18.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ đã định vị chiếc xe trên tại Campuchia, hiện không thu hồi được.

+ Ngày 01/3/2025, M nói bà T2 đến cửa hàng T10 làm hợp đồng thuê, thỏa thuận thuê 01 xe máy hiệu Honda Vision màu xám biển số 59N3-527.68, 01 xe máy hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 85B1-782.64 và 01 xe máy hiệu Honda Vision biển số 59U2-55746 tại cửa hàng “Xe máy G”. Sau khi nhận được xe từ bà T2, M đem 03 chiếc xe trên bán cho Nguyễn Vinh Q. Cụ thể: M bán cho Q chiếc xe máy

hiệu Honda Vision biển số 59N3-527.68 với giá 11.000.000 đồng, Q bán lại chiếc xe cho ông Đặng Văn R với giá 15.240.000 đồng (gồm giá mua 15.000.000 đồng và phí vận chuyển 240.000 đồng); M bán cho Q chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 85B1-782.64 với giá 9.500.000 đồng, Q bán lại chiếc xe cho ông Đặng Văn R với giá 12.260.000 đồng (gồm giá mua 12.000.000 đồng và phí vận chuyển 260.000 đồng); M bán cho Q chiếc xe máy hiệu Honda Vision biển số 59U2-55746 với giá 11.000.000 đồng, Q bán lại chiếc xe cho ông Đặng Văn R với giá 14.760.000 đồng (gồm giá mua 14.500.000 đồng và phí vận chuyển 260.000 đồng). Ông Nguyễn Văn Đ đã định vị chiếc xe trên tại Campuchia, hiện không thu hồi được. Trong các lần mua xe này, Q chưa biết nguồn gốc những chiếc xe mua của M là do M phạm tội mà có.

+ Đến ngày 02/3/2025, M nói bà T2 đến cửa hàng ABMotobike thuê 01 chiếc xe máy Honda Vision biển số 71C1-42526. Sau khi nhận được xe, M bán chiếc xe cho Nguyễn Vinh Q với giá 9.000.000 đồng. Q tiếp tục nhờ M mang xe đến chành xe Ngọc Lan Express ở T, Quận A, để giao đến Tây Ninh bán cho ông Đặng Văn R với giá 12.260.000 đồng (gồm giá mua 12.000.000 đồng và phí vận chuyển 260.000 đồng). Đến tối ngày 02/3/2025 bên “chành” xe Ngọc Lan Express gọi điện báo cho Nguyễn Vinh Q biết việc chiếc xe đã bị Công an phường T thu hồi do có liên quan đến việc M thuê xe và đem bán cho Q. Q yêu cầu M trả lại cho Q số tiền 9.000.000 đồng và nói M trước khi bán xe cho Q phải cắt hết bộ phận định vị của xe và sẽ giao dịch mua bán xe tại khu vực nội bộ chung cư P, phường T, Quận A để tránh bị phát hiện thì M đồng ý.

+ Ngày 03/3/2025, M nói bà X đến cửa hàng V thuê 01 xe máy hiệu Honda Vario biển số 59M2-596.25 về giao cho M. Sau đó, M liên hệ với Q để bán xe. Q biết đây là xe do M lừa đảo được nên đã nói M đem chiếc xe đến khu vực đường nội bộ chung cư P, Q kiểm tra thấy xe không gắn định vị nên đồng ý mua với giá 18.000.000 đồng. Q trả cho M số tiền 9.000.000 đồng (do M còn nợ Q số tiền 9.000.000 đồng của lần bán xe ngày 02/3/2025). Q đem bán chiếc xe cho ông Đặng Văn R với giá 20.740.000 đồng (gồm giá mua 20.500.000 đồng và phí vận chuyển 240.000 đồng).

+ Ngày 04/3/2025, M nói bà X đến cửa hàng T10 thuê 01 xe máy hiệu Honda Vision màu đen, biển số 59S3-484.52 về giao cho M. Sau đó, M liên hệ với Q và chạy xe đến khu vực đường nội bộ chung cư P để Q tháo định vị xe. M bán cho Q chiếc xe với giá 9.500.000 đồng, do lo sợ sẽ bị phát hiện Q nói với M chỉ mua nốt chiếc xe này. Đến sáng ngày 05/3/2025, Q điều khiển xe máy hiệu Honda Vision màu đen, biển số 59S3-484.52 đến “chành” xe Sài Gòn E tại ngã tư A để giao bán cho Đặng Văn R với giá 12.000.000 đồng. Ông Đ đã định vị chiếc xe trên tại Campuchia.

Các lần giao dịch, mua bán xe giữa Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Vinh Q đều thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản của vợ (Hồ Thị Bích N2) số 189304757 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 đến tài khoản số 0585013845 của M mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q3. Các lần mua bán xe giữa Nguyễn Vinh Q và Đặng Văn R đều thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của vợ Q (N2) đến tài khoản của R tuy nhiên Q không xác định được thông tin tài khoản của R.

Cơ quan điều tra tiến hành truy xét, ghi lời khai Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Vinh Q và những người có liên quan đều trùng khớp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 26/03/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự quận T, UBND quận T, kết luận: 01 xe máy Honda Vision biển số 59S3-484.52 có trị giá 25.333.000 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 49F1-480.45 có trị giá 20.667.000 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 94K2-342.25 có trị giá 21.333.000 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 70L2-024.18 có trị giá 21.000.000 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 85B1-782.64 có trị giá 20.667.000 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 59N3-527.68 có trị giá 27.000.000 đồng. Tổng cộng 06 chiếc xe máy có trị giá 136.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15776/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp thành phố, U, kết luận: 01 xe máy Honda Vision biển số 71C1-425.26 có trị giá 17.833.333 đồng; 01 xe máy Honda Vision biển số 59U2-557.46 có trị giá 24.833.333 đồng; 01 xe máy Honda Vario biển số 59M2-596.25 có trị giá 38.000.000 đồng. Tổng cộng 03 chiếc xe máy có trị giá 80.666.666 đồng.

Đối với bà Phạm Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Á và Trương Hồ Thanh T1 là những người đi thuê xe máy tại cửa hàng HiMoto Việt Nam và cửa hàng V về đưa cho Nguyễn Thị Ngọc M. M nói dối bà X, bà Á và bà T1 là thuê xe máy về cho người nước ngoài thuê lại để hưởng tiền chênh lệch và sẽ trả tiền hoa hồng cho mỗi người với giá 200.000 đồng/xe. Thực tế, sau khi nhận được xe từ bà X, bà Á và bà T1, M đã đem đi cầm cố hoặc bán cho người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bà X, bà Á và bà T1 không biết về hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Hữu N1 là người mua chiếc xe máy hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 70L2-024.18 từ đối tượng tên S (không rõ lai lịch) với giá 16.000.000 đồng. Ông N1 khai nhận khi mua xe có giấy đăng ký bản phô tô, có đầy đủ chìa khóa, xe không có dấu hiệu bị cạy phá ổ khóa hay tháo bình ắc quy. Khi bán xe S cam kết xe không có tranh chấp, xe này khách đang mua trả góp ngân hàng thì cần tiền nên bán thanh lý. Ông N1 không biết chiếc xe có nguồn gốc từ việc phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn H là người mua chiếc xe máy hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 70L2-024.18 từ Nguyễn Hữu N1 với giá 17.000.000 đồng. Khi mua xe ông H thấy có giấy đăng ký xe phô tô công chứng, có đầy đủ chìa khóa. Sau khi mua xe, ông H đã bán chiếc xe cho người tên T4 (người Campuchia, không rõ lai lịch) với giá 18.000.000 đồng, T4 gặp và mua xe trực tiếp tại nhà của ông H. Do ông H không biết đây là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Trương Minh D là người nhận cầm cố chiếc xe máy Honda Vision biển số 94K2-342.25 của Nguyễn Thị Ngọc M. Ông D khai nhận khi nhận cầm cố chiếc xe, D có hỏi M về giấy tờ đăng ký xe, M nói chiếc xe đang mua trả góp ngân hàng nên không có giấy tờ xe, M sẽ chuộc lại xe sau khoảng 01 đến 02 ngày, ông D đồng ý nhận cầm cố với giá 9.000.000 đồng. Sau khi ông Nguyễn Văn Đ đến liên hệ để nhận lại xe thì ông D mới biết đây là xe do phạm tội mà có và đã hoàn trả lại xe

cho ông Đ. Do quá trình nhận cầm cố, ông D không biết đây là tài sản do M phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý.

Đối với bà Lê Thị Thanh T5 (vợ của ông Nguyễn Văn H) và bà Nguyễn Thị T6 (bạn gái ông Nguyễn Hữu N1) khai nhận không biết, không tham gia vào hoạt động mua bán xe máy của ông H và ông N1. Bà T5 và bà T6 chỉ sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận và chuyển tiền theo yêu cầu của ông H và ông N1 nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng Đặng Văn R, T3 và S do chưa xác định được lai lịch nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xử lý.

Vật chứng:

- 09 chiếc xe Nguyễn Thị Ngọc M lừa đảo chiếm đoạt, gồm:

- + 06 xe máy của cửa hàng T10, trong đó: 02 xe máy Honda Vision biển số 49F1-480.45 và H1 biển số 94K2-342.25 đã thu hồi được, 04 xe máy hiệu Honda Vision biển số 70L2-024.18, Honda Vision biển số 59N3-527.68, Honda Vision biển số 85B-782.64 và H1 biển số 59S3-484.52 không thu hồi được. Số xe máy này do cửa hàng T10 mua cũ lại, có làm hợp đồng nhưng chưa sang tên để cho khách thuê sử dụng làm phương tiện đi lại.

- + 01 xe máy Honda Vision biển số 59U2-557.46 của cửa hàng X1 (chưa thu hồi được). Qua xác minh xe máy trên là của ông Phan Tấn T7. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo mời làm việc nhưng đến nay chưa có kết quả. Qua tra cứu xe máy trên không phải tang vật trong vụ án khác.

- + 01 xe máy Honda Vision biển số 71C-425.26 của cửa hàng A2 (thu hồi được trả lại cửa hàng). Qua xác minh xe máy trên là của bà Nguyễn Thị Ngọc T8. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo mời làm việc nhưng đến nay chưa có kết quả.

- + 01 xe máy Honda Vario biển số 59M2-596.25 (không thu hồi được) của cửa hàng V, do ông Nguyễn Anh T là giám đốc công ty và là chủ xe máy này.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc M 01 điện thoại di động Iphone 16 Promax Minh dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội;

- Thu giữ của Nguyễn Vinh Q:

- + 01 điện thoại di động Iphone 16 Promax dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội;

- + 01 xe máy Honda Winner X biển số 86AL-093.75. Xe máy trên của ông Trần Tấn P3. Đến ngày 17/02/2025, ông P3 đã bán xe cho ông Lê Văn Bá Q2 (tiệm X2) với giá 17.000.000 đồng. Ông Q2 bán xe trên cho Nguyễn Thị Ngọc M với giá 26.300.000 đồng. Đến ngày 10/3/2025, M và Q làm hợp đồng cầm xe với giá 10.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng. M chưa chuộc xe;

- + 01 xe máy Piaggio Liberty biển số 59Y3-795.56. Qua xác minh xe máy trên của bà Vũ Thị Trúc L1. Ngày 21/01/2025, bà L1 cầm xe cho Q, hiện chưa chuộc lại xe;

- Thu giữ của Nguyễn Hữu N1:

- + 01 xe máy Yamaha Exciter biển số 60F2-847.53. Qua xác minh xe máy trên của bà Nguyễn Thị Đoan T9. Khoảng năm 2020, bà T9 cùng chồng là ông Lê Văn P4 đã bán xe cho một người (không rõ lai lịch) tại khu vực quận T (không làm thủ tục sang tên).

+ 01 máy xe Honda Vario biển số 59Y3-645.53. Qua xác minh xe máy trên của bà Lê Thị Ngọc L2. Hiện bà L2 không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo mời làm việc nhưng đến nay chưa có kết quả.

N1 khai 02 xe máy trên do N1 đã mua của các đối tượng không rõ lai lịch rao bán trên các trang mạng xã hội, khi mua có giấy đăng ký xe bản photo, không làm hợp đồng mua bán và chuyển quyền sử dụng.

Trách nhiệm dân sự:

- Ông Lưu Hồng Q1 (chủ cửa hàng X1) bị chiếm đoạt xe máy Honda Vision biển số 59U2-557.46 đã nhận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng từ bà Trương Hồ Thanh T1, không có ý kiến gì khác. Bà T1 yêu cầu bị can Nguyễn Thị Ngọc M bồi thường lại số tiền 30.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Anh T (Giám đốc Công ty V2) yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng đối với xe máy Honda Vario biển số 59M2-596.25 bị chiếm đoạt;

- Ông Nguyễn Văn Đ (đại diện cửa hàng xe máy HiMoto Việt Nam) yêu cầu bồi thường tổng cộng 136.000.000 đồng đối với 06 xe máy bị chiếm đoạt;

Tại Bản Cáo trạng số 170/CT-VKS-KV4 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Thị Ngọc M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Vinh Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng với từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M mức án từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Vinh Q mức án 08 (tám) tháng 20 (hai mươi) ngày tù (bằng thời hạn đã tạm giam bị cáo) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng tạm giữ được, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ tháng 02 đến tháng 3/2025, Nguyễn Thị Ngọc M đưa ra thông tin gian dối, dẫn dụ, lừa Phạm Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Á, Trương Hồ Thanh T1 thuê xe máy của các cửa hàng T10 (thuộc Công ty T10), cửa hàng V (Thuộc Công ty TNHH MTV Đ1), cửa hàng X1 (thuộc Công ty TNHH M1) và cửa hàng ABMotorbike giao cho M để hưởng tiền hoa hồng. Sau khi nhận 09 xe máy trị giá 216.666.666 đồng bằng hình thức trên, M mang đi bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Nguyễn Vinh Q biết rõ các xe máy Honda Vario, biển số 59M2-596.25 và xe máy Honda Vision màu đen, biển số 59S3-484.52 là xe do M phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán lại cho người khác nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M như trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Vinh Q như trên đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với bà Phạm Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Á và Trương Hồ Thanh T1 là những người đi thuê xe máy tại cửa hàng HiMoto Việt Nam và cửa hàng V về đưa cho Nguyễn Thị Ngọc M. M nói dối bà X, bà Á và bà T1 là thuê xe máy về cho người nước ngoài thuê lại để hưởng tiền chênh lệch và sẽ trả tiền hoa hồng cho mỗi người với giá 200.000 đồng/xe. Thực tế, sau khi nhận được xe từ bà X, bà Á và bà T1, M đã đem đi cầm cố hoặc bán cho người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bà X, bà Á và bà T1 không biết về hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Hữu N1 là người mua chiếc xe máy hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 70L2-024.18 từ đối tượng tên S (không rõ lai lịch) với giá 16.000.000 đồng. Ông N1 khai nhận khi mua xe có giấy đăng ký bản phô tô, có đầy đủ chìa khóa, xe không có dấu hiệu bị cạy phá ổ khóa hay tháo bình ắc quy. Khi bán xe S cam kết xe không có tranh chấp, xe này khách đang mua trả góp ngân hàng thì cần tiền nên bán thanh lý. Ông N1 không biết chiếc xe có nguồn gốc từ việc phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Văn H là người mua chiếc xe máy hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 70L2-024.18 từ Nguyễn Hữu N1 với giá 17.000.000 đồng. Khi mua xe ông H thấy có giấy đăng ký xe phô tô công chứng, có đầy đủ chìa khóa. Sau khi mua xe, ông H đã bán chiếc xe cho người tên T4 (người Campuchia, không rõ lai lịch) với giá 18.000.000 đồng, T4 gặp và mua xe trực tiếp tại nhà của ông H. Do ông H không biết đây là xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Trương Minh D là người nhận cầm cố chiếc xe máy Honda Vision biển số 94K2-342.25 của Nguyễn Thị Ngọc M. Ông D khai nhận khi nhận cầm cố chiếc xe, D có hỏi M về giấy tờ đăng ký xe, M nói chiếc xe đang mua trả góp ngân hàng nên không có giấy tờ xe, M sẽ chuộc lại xe sau khoảng 01 đến 02 ngày, ông D đồng ý nhận cầm cố với giá 9.000.000 đồng. Sau khi ông Nguyễn Văn Đ đến liên hệ để nhận lại xe thì ông D mới biết đây là xe do phạm tội mà có và đã hoàn trả lại xe cho ông Đ. Do quá trình nhận cầm cố, ông D không biết đây là tài sản do M phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý.

Đối với bà Lê Thị Thanh T5 (vợ của ông Nguyễn Văn H) và bà Nguyễn Thị T6 (bạn gái ông Nguyễn Hữu N1) khai nhận không biết, không tham gia vào hoạt động mua bán xe máy của ông H và ông N1. Bà T5 và bà T6 chỉ sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận và chuyển tiền theo yêu cầu của ông H và ông N1 nên không tiến hành xử lý.

Đối với Hồ Thị Bích N2 (vợ của Nguyễn Vinh Q) dùng tài khoản mang tên mình để thực hiện các giao dịch chuyển tiền mua bán xe theo yêu cầu của Q, không biết mục đích mà nội dung giao dịch của Q liên quan đến hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý N2 với vai trò đồng phạm với Q.

Đối với các đối tượng Đặng Văn R, T3 và S do chưa xác định được lai lịch nên không có căn cứ để Cơ quan điều tra xử lý.

[4] Việc áp dụng hình phạt; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo M đã 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt các tài sản có giá trị mang đi bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài. Bị cáo Q biết tài sản của M đem đi bán là do phạm tội mà có nhưng do tư lợi cá nhân mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với

những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Vinh Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bên cạnh đó bị cáo Q phạm tội ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; đồng thời tự nguyện sung vào công quỹ nhà nước thêm một số tiền để khắc phục hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho tới thời điểm xét xử thì bị cáo Q đã bị tạm giữ, tạm giam hơn 08 tháng nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Hai bị cáo phạm tội 02 lần trở lên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52; Bị cáo M phạm tội 09 lần, không có nghề nghiệp lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập đã phạm tội thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Về vật chứng: Tịch thu, sung nộp Ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động Iphone 16 Promax của M và Q dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Vinh Q: 01 xe máy Honda Winner X biển số 86AL-093.75; 01 xe máy Piaggio Liberty biển số 59Y3-795.56 do đây là các giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của Q.

- Trả lại cho Nguyễn Hữu N1: 01 xe máy Yamaha Exciter biển số 60F2-847.53; 01 máy xe Honda Vario biển số 59Y3-645.53 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

* Đối với: Số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính được từ việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là 5.200.000 đồng, bị cáo Q đã nộp số tiền 8.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0010730 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bị cáo Q đã nộp đủ tiền thu lợi bất chính. Sung vào công quỹ số tiền còn lại là 3.300.000 đồng do bị cáo Q tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M bồi thường cho:

- Công ty TNHH MTV Đ1 số tiền 40.000.000 đồng đối với xe máy Honda Vario biển số 59M2-596.25 bị chiếm đoạt;

- Công ty cổ phần T10 số tiền 136.000.000 đồng đối với 06 xe máy bị chiếm đoạt;

- Bà Trương Hồ Thanh T1 số tiền 30.000.000 đồng là tiền bà T1 bồi thường chiếc xe máy Honda Vision biển số 59U2-557.46 cho cửa hàng X1.

[6] Về án phí sơ thẩm:

- Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2025.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vinh Q 08 (tám) tháng 20 (hai mươi) ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. (Bằng thời gian đã tạm giữ, tạm giam bị cáo). Bị cáo Nguyễn Vinh Q đã chấp hành xong hình phạt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 228 của Bộ luật dân sự 2015;

* Về vật chứng:

- Tịch thu, sung nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 16 Promax màu vàng của Nguyễn Thị Ngọc M.

- Tịch thu, sung nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 16 Promax màu vàng của Nguyễn Vinh Q.

- Trả lại cho Nguyễn Vinh Q: 01 xe máy Honda Winner X biển số 86AL-093.75; 01 xe máy Piaggio Liberty biển số 59Y3-795.56.

- Trả lại cho ông Nguyễn Hữu N1: 01 xe máy Yamaha Exciter biển số 60F2-847.53; 01 máy xe Honda Vario biển số 59Y3-645.53.

Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 268/BB/2026 ngày 08/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

* Sung vào công quỹ số tiền thu lợi bất chính và khắc phục hậu quả do bị cáo Nguyễn Vinh Q đã tự nguyện nộp là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0010730 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bị cáo Q đã nộp xong tiền thu lợi bất chính.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M bồi thường cho:

- Công ty TNHH MTV Đ1 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

- Công ty cổ phần T10 số tiền 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng);

- Bà Trương Hồ Thanh T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV Đ1, Công ty cổ phần T10, bà Trương Hồ Thanh T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Nguyễn Thị Ngọc M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM (1)
- VKSND Khu vực 4 – TP.HCM; (3)
- Công an TP. HCM; (2)
- THADS TP.HCM; (1)
- Người tham gia tố tụng; (12)
- Trại tạm giam Chí Hòa- PTTG Phú Thọ
Hòa (1)
- PV 06 (1)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh